

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 05 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Đào Việt Khải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng A (tên gọi khác: C), sinh năm 1999 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí L (chết) và bà Trương Thị N; Chưa có vợ và con; tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt, phần án phí và nộp phạt chưa chấp hành xong); tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, (có mặt).

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2020, Nguyễn Hoàng A đi bộ đến nhà bà Nguyễn Hồng L ở ấp C (nay khóm 8), thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nhìn thấy 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển số đăng ký 69K1- 240.13 đang đậu trước cửa nhà không người trông coi, trên xe vẫn còn chìa khóa nên đã lén lút lấy trộm và điều khiển xe đến ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cầm cho Trần Văn T với giá 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau khi mất xe bà L biết Nguyễn Hoàng A lấy trộm nên đến Công an huyện P trình báo sự việc và qua kiểm tra, xác minh, điều tra đã thu giữ xe và Nguyễn Hoàng A thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 17.306.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với Trần Văn T, khi cầm cố xe không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý đối với anh T.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị hại bà Nguyễn Hồng L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy lời khai của bà L và anh T có tại hồ sơ đã rõ nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và anh T.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát,

Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/11/2020, bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà L, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của bà L 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển số đăng ký 69K1- 240.13. Giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt theo kết luận định giá là 17.306.400 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bà L, anh T và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và bản tính muốn hưởng thụ mà không phải lao động nên đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Ngày 25/4/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành về án phí và nộp phạt nên chưa được xóa án tích, do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, ngày 28/5/2024 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng về tội trộm cắp tài sản, tuy hành vi phạm tội này không phải là tình tiết tăng nặng, không được xem là tiền án, tiền sự nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và sống có ích cho xã hội, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển số đăng ký 69K1- 240.13, hiện chiếc xe đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với anh T là người cầm cố chiếc xe mà bị cáo đã trộm, quá trình điều tra xác định anh T không biết đây là xe do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T là phù hợp. Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà anh T đã đưa cho bị cáo để cầm cố xe, anh T không có yêu cầu gì trong vụ án, do đó không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 01 (một) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Công an huyện Phú Tân;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Công an huyện A, tỉnh Kiên Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Việt Khái

Nguyễn Văn Hoàng

Hồ Dũng Liêm

